

**PHỤ LỤC 05. BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI
ĐOẠN 2020 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /04/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Đã phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch	
STT	Khu vực/dự án	Số lượng dự án	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Khu vực/dự án	Số lượng dự án	Diện tích sử dụng đất (ha)	Số lượng dự án	Diện tích sử dụng đất (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7) - (3)	(10) = (8) - (4)
	Toàn tỉnh	756	9.728,79		Toàn tỉnh	797,00	11.230,68	41	1.501,89
I	Các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư	575	8.679,17	I	Các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư	574	9.989,18	-1	1.310,01
1	Thành phố Quy Nhơn	91	1.957,88	1	Thành phố Quy Nhơn	92	2.393,69	1	435,81
2	Thị xã An Nhơn	55	788,56	2	Thị xã An Nhơn	55	812,69	0	24,13
3	Thị xã Hoài Nhơn	86	969,40	3	Thị xã Hoài Nhơn	85	954,73	-1	-14,67
4	Huyện Tây Sơn	25	396,71	4	Huyện Tây Sơn	25	359,11	0	-37,60
5	Huyện Phù Mỹ	102	1.814,86	5	Huyện Phù Mỹ	97	2.228,50	-5	413,64
6	Huyện Phù Cát	136	1.601,02	6	Huyện Phù Cát	140	2.089,72	4	488,70
7	Huyện Tuy Phước	35	950,96	7	Huyện Tuy Phước	35	950,96	0	0,00
8	Huyện Hoài Ân	22	59,38	8	Huyện Hoài Ân	22	59,38	0	0,00
9	Huyện An Lão	9	43,52	9	Huyện An Lão	9	43,52	0	0,00
10	Huyện Vĩnh Thạnh	8	24,43	10	Huyện Vĩnh Thạnh	8	24,43	0	0,00
11	Huyện Vân Canh	6	72,44	11	Huyện Vân Canh	6	72,44	0	0,00
II	Các dự án nhà ở xã hội	33	92,82	II	Các dự án nhà ở xã hội	33	92,82	0	0,00
1	Thành phố Quy Nhơn	24	59,25	1	Thành phố Quy Nhơn	24	59,25	0	0,00
2	Thị xã Hoài Nhơn	3	12,02	2	Thị xã Hoài Nhơn	3	12,02	0	0,00
3	Huyện Tây Sơn	2	9,50	3	Huyện Tây Sơn	2	9,50	0	0,00
4	Thị xã An Nhơn	2	4,05	4	Thị xã An Nhơn	2	4,05	0	0,00
5	Huyện Vân Canh	1	5,00	5	Huyện Vân Canh	1	5,00	0	0,00
6	Huyện Tuy Phước	1	3,00	6	Huyện Tuy Phước	1	3,00	0	0,00
III	Các dự án nhà ở tái định cư	148	956,81	III	Các dự án nhà ở tái định cư	189	1.148,47	41	191,66
1	Thành phố Quy Nhơn	12	76,74	1	Thành phố Quy Nhơn	12	76,74	0	0,00
2	Huyện Hoài Ân	21	30,85	2	Huyện Hoài Ân	21	30,85	0	0,00
3	Huyện Vĩnh Thạnh	2	11,04	3	Huyện Vĩnh Thạnh	2	11,04	0	0,00
4	Huyện Vân Canh	6	395,09	4	Huyện Vân Canh	6	395,09	0	0,00

5	Huyện An Lão	2	6,00	5	Huyện An Lão	2	6,00	0	0,00
6	Huyện Tuy Phước	11	28,62	6	Huyện Tuy Phước	14	39,12	3	10,50
7	Huyện Tây Sơn	6	17,65	7	Huyện Tây Sơn	12	59,41	6	41,76
8	Thị xã Hoài Nhơn	37	115,12	8	Thị xã Hoài Nhơn	57	203,42	20	88,30
9	Huyện Phù Cát	12	130,51	9	Huyện Phù Cát	14	145,11	2	14,60
10	Huyện Phù Mỹ	11	87,38	10	Huyện Phù Mỹ	18	107,88	7	20,50
11	Thị xã An Nhơn	28	57,81	11	Thị xã An Nhơn	31	73,81	3	16,00
IV	Các dự án nhà ở công vụ	-	-	IV	Các dự án nhà ở công vụ	1	0,22	1	0,22
1	Thành phố Quy Nhơn	-	-	1	Thành phố Quy Nhơn	1	0,22	1	0,22

*** Ghi chú:** Tên dự án, diện tích sử dụng đất, diện tích đất ở...của các dự án sẽ được xem xét, xác định cụ thể trong bước quy hoạch chi tiết, chủ trương đầu tư của dự án, phù hợp theo quy định.